

Số: 224/QĐ-SGDĐT

Đắk Nông, ngày 22 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về nội dung thực hiện các phương thức tuyển sinh,
chế độ ưu tiên đối với tuyển sinh trung học phổ thông
trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 18/2014/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc bổ sung vào điểm a khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 2, Khoản 2 Điều 4, điểm d Khoản 1 và đoạn đầu Khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 15 tháng 03 năm 2016 của Ủy ban nhân tỉnh Đắk Nông về việc Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Ông Trưởng phòng Giáo dục Trung học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về nội dung thực hiện các phương thức tuyển sinh, chế độ ưu tiên đối với tuyển sinh trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 342/QĐ-SGDĐT ngày 06/5/2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông về việc Ban hành Quy định phương thức tuyển sinh, chế độ ưu tiên, khuyến khích đối với tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và Quyết định số 214/QĐ-SGDĐT ngày 09/4/2015 của Sở Giáo

dục và Đào tạo Đắk Nông về việc bổ sung thêm các đối tượng được cộng điểm ưu tiên đối với tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng; Trưởng các phòng: Giáo dục Trung học, Quản lý chất lượng, Thanh tra; Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã; Thủ trưởng các đơn vị liên quan; Hiệu trưởng các trường Trung học phổ thông, Phổ thông Dân tộc Nội trú chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, GDTrH.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Toàn

QUY ĐỊNH

Về nội dung thực hiện các phương thức tuyển sinh, chế độ ưu tiên đối với
tuyển sinh trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 224./QĐ-SGDĐT
ngày 22./4/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Những nội dung khác về tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông không đề cập trong Quy định này được áp dụng theo quy chế tại Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông; Thông tư số 05/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 2, Khoản 2 Điều 4, điểm d Khoản 1 và đoạn đầu Khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương I

NỘI DUNG THỰC HIỆN CÁC PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH, HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Mục 1

XÉT TUYỂN

Điều 1. Điểm xét tuyển

1. Điểm tính theo kết quả rèn luyện và học tập mỗi năm học của học sinh trung học cơ sở được tính như sau:

- a) Hạnh kiểm tốt, học lực giỏi: 10 điểm;
- b) Hạnh kiểm khá, học lực giỏi hoặc hạnh kiểm tốt, học lực khá: 9 điểm;
- c) Hạnh kiểm khá, học lực khá: 8 điểm;
- d) Hạnh kiểm trung bình, học lực giỏi hoặc hạnh kiểm tốt, học lực trung bình: 7 điểm;
- e) Hạnh kiểm khá, học lực trung bình hoặc hạnh kiểm trung bình, học lực khá: 6 điểm;
- g) Các trường hợp còn lại: 5 điểm.

2. Điểm cộng thêm cho đối tượng được hưởng chế độ ưu tiên, tối đa không quá 1,5 điểm.

3. Điểm cộng thêm cho đối tượng được hưởng chế độ khuyến khích đối với học sinh thi nghề phổ thông, tối đa không quá 1,5 điểm, chỉ áp dụng trong tuyển sinh năm học 2018-2019.

4. Điểm xét tuyển là tổng số điểm của:

a) Điểm tính theo kết quả rèn luyện và học tập của 4 năm học ở trung học cơ sở (nếu lưu ban lớp nào thì lấy kết quả năm học lại của lớp đó);

b) Điểm cộng thêm cho đối tượng ưu tiên, khuyến khích (cộng điểm khuyến khích chỉ áp dụng trong tuyển sinh năm học 2018-2019).

5. Nếu nhiều người học có điểm bằng nhau thì lấy tổng điểm trung bình cả năm học lớp 9 của tất cả các môn có tính điểm trung bình để xếp từ cao xuống thấp; nếu vẫn có trường hợp bằng điểm nhau thì phân biệt bằng tổng điểm trung bình cả năm của môn Toán và môn Ngữ văn của năm học lớp 9.

Mục 2

THI TUYỂN

Điều 2. Môn thi, thời gian làm bài thi, điểm bài thi, hệ số điểm bài thi, điểm cộng thêm và điểm thi tuyển

1. Môn thi

a) Thi viết ba môn: Toán, Ngữ văn và môn thứ 3;

b) Môn thứ 3 được chọn trong số những môn học còn lại, phù hợp cho các đối tượng tuyển sinh quy định tại Khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo chọn và công bố môn thi thứ 3 sớm nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày kết thúc năm học căn cứ biên chế năm học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Thời gian làm bài thi:

a) Môn Toán, Ngữ văn: 120 phút/môn thi;

b) Môn thi thứ 3: 60 phút;

3. Điểm bài thi, hệ số điểm bài thi:

a) Điểm bài thi là tổng điểm thành phần của từng câu hỏi trong đề thi, điểm bài thi được cho theo thang điểm từ điểm 0 đến điểm 10, điểm lẻ đến 0,25;

b) Hệ số điểm bài thi:

- Hệ số 2: Môn Toán, môn Ngữ văn;

- Hệ số 1: Môn thứ 3.

4. Điểm cộng thêm cho đối tượng được hưởng chế độ ưu tiên tối đa không quá 1,5 điểm.

5. Điểm cộng thêm cho đối tượng được hưởng chế độ khuyến khích đối với học sinh thi nghề phổ thông, tối đa không quá 1,5 điểm, chỉ áp dụng trong tuyển sinh năm học 2018-2019.

6. Điểm thi tuyển là tổng điểm ba bài thi đã tính theo hệ số và điểm cộng thêm cho đối tượng ưu tiên, khuyến khích (cộng điểm khuyến khích chỉ áp dụng trong tuyển sinh năm học 2018-2019). Thí sinh trúng tuyển phải không có bài thi nào bị điểm 0.

Điều 3. Đề thi

1. Nội dung đề thi trong phạm vi chương trình trung học cơ sở do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, chủ yếu ở lớp 9. Đề thi phải đảm bảo chính xác, rõ ràng, không sai sót, phân hoá được trình độ học sinh, phù hợp với thời gian quy định cho từng môn thi.

2. Mỗi môn có đề thi chính thức và đề thi dự bị với mức độ tương đương về yêu cầu nội dung, thời gian làm bài. Mỗi đề thi phải có hướng dẫn chấm và biểu điểm kèm theo.

3. Đề thi và hướng dẫn chấm thi khi chưa được công bố là bí mật Nhà nước độ “Tối mật” theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Hội đồng ra đề thi, sao in đề thi, gửi đề thi

1. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập một hội đồng ra đề thi và sao in đề thi tuyển sinh trung học phổ thông.

2. Tổ chức, nhiệm vụ của hội đồng ra đề thi, công tác ra đề thi, sao in, gửi đề thi vận dụng theo các quy định tương ứng của Quy chế thi trung học phổ thông quốc gia hiện hành.

Điều 5. Hội đồng coi thi, hội đồng chấm thi, hội đồng phúc khảo

1. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập một hội đồng coi thi ở mỗi trường trung học phổ thông. Việc thành lập hội đồng coi thi và công tác tổ chức coi thi tuyển sinh vận dụng theo các quy định tương ứng của Quy chế thi trung học phổ thông quốc gia hiện hành.

2. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập một hoặc một số hội đồng chấm thi. Việc thành lập hội đồng chấm thi và công tác tổ chức chấm thi vận dụng theo các quy định tương ứng của Quy chế thi trung học phổ thông quốc gia hiện hành.

3. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập một hội đồng phúc khảo. Việc thành lập hội đồng phúc khảo và công tác tổ chức phúc khảo bài thi vận dụng theo các quy định tương ứng của Quy chế thi trung học phổ thông quốc gia hiện hành.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÀK

Mục 3

KẾT HỢP THI TUYỂN VỚI XÉT TUYỂN

Điều 6. Môn thi, thời gian làm bài thi, điểm bài thi

1. Môn thi, thời gian làm bài thi:

- a) Thi viết hai môn: Toán và Ngữ văn;
- b) Thời gian làm bài thi: 120 phút/môn thi.

2. Điểm bài thi:

Điểm bài thi là tổng điểm thành phần của từng câu trong đề thi, điểm bài thi cho theo thang điểm từ điểm 0 đến điểm 10, điểm lẻ đến 0,25;

Điều 7. Điểm tính theo kết quả rèn luyện và học tập, điểm cộng thêm

1. Điểm tính theo kết quả rèn luyện và học tập mỗi năm học của học sinh trung học cơ sở được tính như sau:

- a) Hạnh kiểm tốt, học lực giỏi: 5 điểm;
- b) Hạnh kiểm khá, học lực giỏi hoặc hạnh kiểm tốt, học lực khá: 4,5 điểm;
- c) Hạnh kiểm khá, học lực khá: 4 điểm;
- d) Hạnh kiểm trung bình, học lực giỏi hoặc hạnh kiểm tốt, học lực trung bình: 3,5 điểm;
- e) Hạnh kiểm khá, học lực trung bình hoặc hạnh kiểm trung bình, học lực khá: 3 điểm;
- g) Các trường hợp còn lại: 2,5 điểm.

2. Điểm cộng thêm cho đối tượng được hưởng chế độ ưu tiên tối đa không quá 1,5 điểm.

3. Điểm cộng thêm cho đối tượng được hưởng chế độ khuyến khích đối với học sinh thi nghề phổ thông, tối đa không quá 1,5 điểm, chỉ áp dụng trong tuyển sinh năm học 2018-2019.

Điều 8. Đề thi, coi thi, chấm thi và điểm xét tuyển

1. Đề thi, công tác ra đề thi, sao in đề thi, coi thi, chấm thi, phúc khảo thực hiện theo quy định tại các Điều 3, 4, 5 của quy định này.

2. Điểm xét tuyển là tổng điểm của:

- a) Tổng số điểm của hai bài thi đã nhân đôi;
- b) Điểm tính theo kết quả rèn luyện, học tập của 4 năm học ở trung học cơ sở (nếu lưu ban lớp nào thì lấy kết quả năm học lại của lớp đó);
- c) Điểm cộng thêm cho đối tượng được hưởng chế độ ưu tiên, khuyến khích (cộng điểm khuyến khích chỉ áp dụng trong tuyển sinh năm học 2018-2019).

Thí sinh trúng tuyển phải không có bài thi nào bị điểm 0.

Mục 4

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

Điều 9. Hội đồng tuyển sinh

1. Sở Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh của các trường Trung học phổ thông và các trường Phổ thông dân tộc nội trú trên toàn tỉnh.

2. Thành phần, số lượng người trong hội đồng tuyển sinh

a) Chủ tịch là hiệu trưởng hoặc phó hiệu trưởng;

b) Phó chủ tịch là phó hiệu trưởng;

c) Thư ký là thư ký hội đồng trường hoặc tổ trưởng chuyên môn;

d) Ủy viên là các tổ trưởng chuyên môn hoặc giáo viên;

e) Số lượng: 5 hoặc 7 người.

Thành phần hội đồng tuyển sinh là người có kinh nghiệm, đạo đức, tinh thần trách nhiệm và được lựa chọn trong số cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên của nhà trường.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn

a) Kiểm tra hồ sơ tuyển sinh;

b) Căn cứ chỉ tiêu được giao và điểm xét tuyển, điểm thi tuyển, lấy từ điểm cao xuống cho đến đủ chỉ tiêu;

c) Lập biên bản và danh sách học sinh trúng tuyển. Biên bản, danh sách học sinh trúng tuyển phải có đủ họ tên, chữ ký của tất cả thành viên và chủ tịch hội đồng;

4. Được sử dụng con dấu của nhà trường vào các văn bản của hội đồng.

Chương II

CHẾ ĐỘ ƯU TIÊN TUYỂN SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Điều 10. Đối tượng được cộng điểm ưu tiên.

1. Cộng 1,5 điểm cho một trong các đối tượng (nhóm đối tượng 1):

- Con liệt sĩ;
- Con thương binh mất sức lao động 81% trở lên;
- Con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên;
- Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”;
- Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;



- Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945;
- Con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

2. Cộng 1,0 điểm cho một trong các đối tượng (nhóm đối tượng 2):

- Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động, con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng;
- Con thương binh mất sức lao động dưới 81%;
- Con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%;
- Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%”.

3. Cộng 0,5 điểm cho một trong các đối tượng (nhóm đối tượng 3):

- Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số;
- Người dân tộc thiểu số;
- Người học đang sinh sống, học tập ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Thí sinh có nhiều diện ưu tiên theo đối tượng chỉ được hưởng một diện ưu tiên cao nhất.

Điều 11. Áp dụng điểm cộng thêm cho đối tượng ưu tiên, khuyến khích

1. Điểm cộng thêm tối đa cho các đối tượng ưu tiên áp dụng cho từng phương thức tuyển sinh được quy định tại các Điều 1, 2, 7 của quy định này.

2. Chỉ cộng điểm khuyến khích trong tuyển sinh năm học 2018-2019 đối với học sinh được cấp chứng nhận nghề phổ thông trong kỳ thi do sở giáo dục và đào tạo tổ chức ở cấp trung học cơ sở:

- Loại giỏi: Cộng 1,5 điểm;
- Loại khá: Cộng 1,0 điểm;
- Loại trung bình: Cộng 0,5 điểm.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Toàn